

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

JIRAYOOT SEEMUNG

**QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA MIỀN ĐÔNG
THÁI LAN TRONG DỰ ÁN HÀNH LANG KINH TẾ PHÍA
NAM (SEC) THUỘC HỢP TÁC TIỂU VÙNG SÔNG MÊ
KÔNG MỞ RỘNG (GMS) (1998-2019)**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số : 62 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2022

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS Phạm Quang Minh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở đào tạo họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN. Vào hồi giờ ngày thángnăm.....

Cụ thể tìm hiểu luận án tại :

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Hợp tác Tiểu vùng Sông Mê Kông Mở rộng (GMS) được thiết lập từ năm 1992 với mục đích tạo thuận lợi cho hợp tác và tăng trưởng kinh tế giữa các nước thành viên. Năm 1998, Hội nghị các Bộ trưởng GMS lần thứ 8 đã thông qua các dự án quan trọng, trong đó là Dự án Hành lang kinh tế phía Nam (SEC). Đây là dự án phát triển cơ sở hạ tầng liên kết khu vực 4 quốc gia từ Dawei (Myanmar) và kết thúc tại Vũng Tàu (Việt Nam). Đối với Thái Lan, tuyến đường của dự án này đã chạy qua khu vực miền Đông, khu vực tập trung kinh tế công nghiệp quan trọng của nước này. Để hỗ trợ việc hội nhập kinh tế khu vực miền Đông với dự án SEC có hiệu quả và phát huy được các lợi thế, NCS đã chọn vấn đề này làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu quá trình phát và hội nhập kinh tế của miền Đông, Thái Lan vào dự án SEC về mặt cơ sở hạ tầng, quan hệ thương mại, đầu tư và liên kết khu vực sản xuất. Đồng thời, phân tích các yếu tố tác động đến quá trình hội nhập kinh tế này. Cuối cùng đánh giá kết quả, triển vọng và đưa ra gợi ý chính sách nhằm tăng cường hội nhập kinh tế, hợp tác và liên kết khu vực phát huy các lợi thế một cách hiệu quả và bền vững.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Quán trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2019.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu quốc tế bao gồm phương pháp lịch sử kinh tế chính trị học, phân tích chính sách, lợi ích

quốc gia, hội nhập khu vực. Bên cạnh việc thu thập nguồn tài liệu thì luận án sẽ sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu kết hợp với 06 cuộc nghiên cứu điền dã vào các thời điểm khác nhau để thêm thông tin và điều tra thông tin theo phương pháp điều tra xã hội học.

5. Nguồn tài liệu tham khảo

Luận án sẽ sử dụng tài liệu sơ cấp và tài liệu thứ cấp.

6. Đóng góp của luận án

Về mặt lý thuyết, luận án đóng góp thêm cơ sở lý luận cho việc phát triển lý thuyết và xây dựng khung phân tích cho quá trình hội nhập khu vực ở cấp độ khu vực dưới quốc gia. Về phương diện thực tiễn, luận án cung cấp cơ sở thực tiễn và nguồn tư liệu về quá trình hội nhập khu vực miền Đông. Đồng thời, ở cấp độ vĩ mô luận án đã cung cấp nguồn tư liệu về hội nhập khu vực của Thái Lan đối với hợp tác GMS và ACMECS.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương:

- Chương 1: tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết
- Chương 2: cơ sở hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái

Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

- Chương 3: quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS giai đoạn 1998 - 2019

- Chương 4: một số nhận xét về quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS giai đoạn 1998 – 2019

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

NCS đã khảo sát tình hình nghiên cứu ở Thái Lan và ở ngoài rìa rút ra một số nhận xét và khoảng trống nghiên cứu như sau:

Tình hình nghiên cứu ở Thái Lan, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu sâu về quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông trong khuôn khổ hợp tác của GMS nói chung và dự án SEC nói riêng.

Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài trong đó bao gồm Việt Nam, không có công trình nghiên cứu về quá trình hội nhập kinh tế của miền Đông trong hợp tác GMS nói chung và dự án SEC nói riêng.

CHƯƠNG 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA MIỀN ĐÔNG THÁI LAN TRONG DỰ ÁN HÀNH LANG KINH TẾ PHÍA NAM (SEC) THUỘC HỢP TÁC TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG MỞ RỘNG (GMS) GIAI ĐOẠN 1998-2019

2.1 Cơ sở lý luận

2.1.1 Khái niệm chủ nghĩa khu vực

Theo thời gian, khái niệm chủ nghĩa khu vực có thể được tiếp cận theo hai giai đoạn là: (1) Chủ nghĩa khu vực cũ: xuất phát từ Tây Âu trong những năm 1950-1960 và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn Chiến tranh lạnh; (2) Chủ nghĩa khu vực mới: xuất phát từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc do các nước trong khu vực bắt đầu thúc đẩy hợp tác với mục đích là thúc đẩy quan hệ kinh tế và mở rộng hợp tác nhiều lĩnh vực.

2.1.2 Khái niệm vùng lãnh thổ kinh tế tự nhiên

Khái niệm vùng lãnh thổ kinh tế tự nhiên do học giả Robert A. Scalapino đề xuất và chỉ ra các quốc gia có vùng lãnh thổ gần gũi nên thúc đẩy

hợp tác và khuyến khích tương tác hoạt động kinh tế xuyên biên giới với nhau bằng cách tạo ra các điều kiện hạ tầng cứng và hạ tầng mềm.

2.1.3 Lý thuyết hội nhập khu vực theo lý thuyết chủ nghĩa tân chức năng

Lý thuyết này chỉ ra rằng hợp tác giữa các quốc gia càng nhiều thì mức độ phụ thuộc lẫn nhau càng lớn. Tình hình phụ thuộc lẫn nhau này dựa trên hiện tượng “Hiệu ứng lan tỏa”. Đặc biệt hiện tượng này càng tăng sau khi các nhóm lợi ích trong khu vực tích cực tham gia.

2.1.4 Lý thuyết hiện đại hóa và chiến lược tăng trưởng

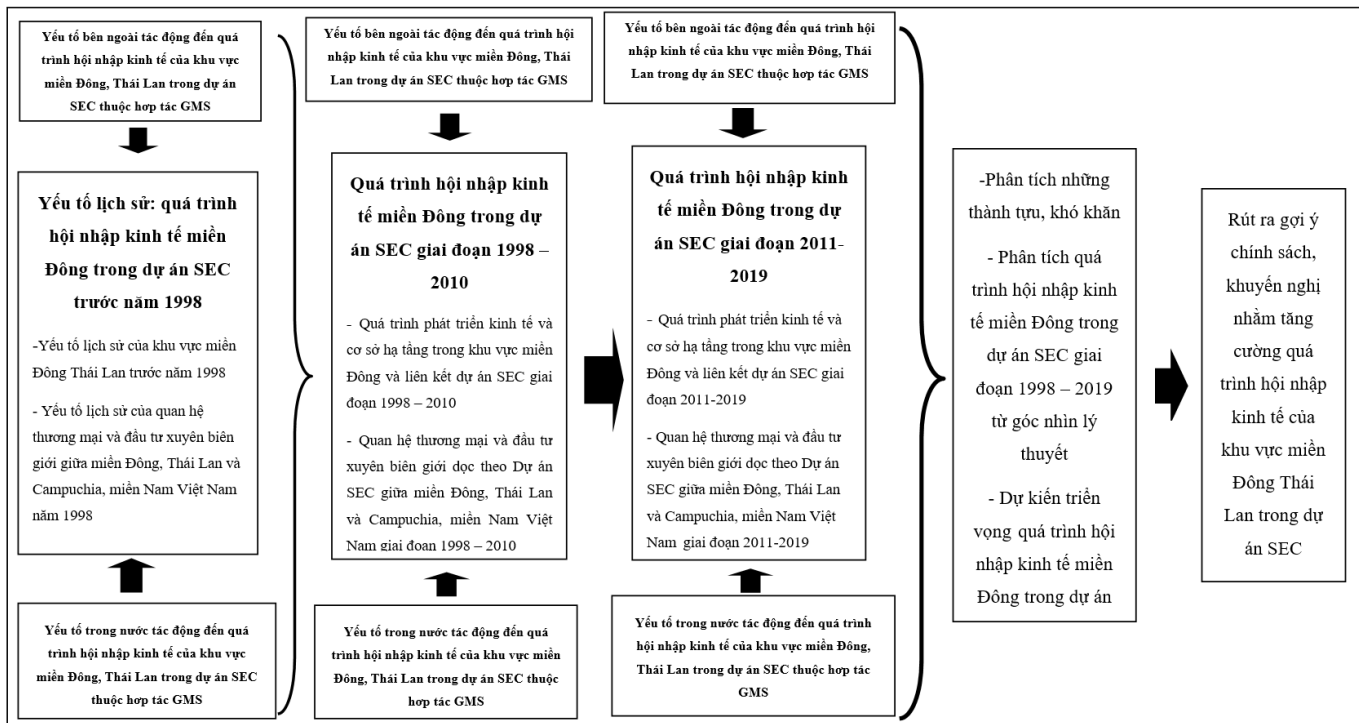
Lý thuyết có cơ sở là các xã hội có sự phát triển không đồng đều và muốn phát triển và tiến bộ xã hội thì các nước nên chuyển từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Điểm nhấn mạnh của lý thuyết là tăng cường vai trò của nhà nước trong việc lập kế hoạch trong điều kiện thiếu thốn và hạn chế. Nhà nước nên tập trung nguồn lực để phát triển một số khu vực và ngành kinh tế được lựa chọn có lợi thế so sánh. Sau khi phát triển thành công thì thành công đó sẽ lan truyền ra các khu vực và các ngành kinh tế khác, quá trình này gọi là “lợi ích kinh tế nhỏ giọt”. Để hoàn thành mục tiêu “Chiến lược tăng trưởng” đã được áp dụng đặc biệt là mô hình tăng trưởng kinh tế của Rostow.

2.1.5 Cơ sở lý luận về dự án SEC

Dự án Hành lang kinh tế phía Nam (SEC) có 2 mục tiêu quan trọng là: (1) Hỗ trợ hội nhập kinh tế, hỗ trợ thương mại và đầu tư, tạo điều kiện giao lưu và phát triển khu vực theo dọc Dự án SEC. (2) Hỗ trợ cho phát triển các khu kinh tế bao gồm các thành phố lớn của Thái Lan, Campuchia và Việt Nam thông qua cấu trúc mạng lưới đường bộ và đường sắt.

2.1.6 Khung nghiên cứu

Trên cơ sở khái niệm và lý thuyết, NCS đã khái niệm hóa thành khung khái niệm để phân tích như sau:



Khung khái niệm trên chia thành 3 phần chính là: thứ nhất là các yếu tố lịch sử trước năm 1998. Đây là yếu tố lịch sử tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông giai đoạn 1998 – 2019.

Thứ hai, quá trình hội nhập kinh tế khu vực theo quan niệm của lý thuyết chủ nghĩa tân chức năng và lý thuyết hiện đại hóa là nhà nước đóng vai trò dẫn đầu sau đó quá trình hội nhập này được mở rộng khi có sự tham gia hoạt động xuyên quốc gia của các chủ thể khác. Vì thế, luận án sẽ khảo sát các hoạt động của chính phủ như: các chính sách hội nhập hợp tác GMS của Thái Lan và quá trình phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng kiên kết dự án SEC của miền Đông Thái Lan. Sau đó, lấy mục tiêu của dự án SEC làm tiêu chí cho việc đánh giá quá trình hội nhập bằng cách khảo sát hoạt động quan hệ kinh tế giữa khu vực miền Đông, Thái Lan với các nước láng giềng dọc theo dự án SEC từng giai đoạn. Đồng thời, phân tích yếu tố tác động tới quá trình hội nhập kinh tế.

Tiếp theo, phần thứ ba là đánh giá những thành tựu, khó khăn và rút ra một số gợi ý cho việc thúc đẩy phát triển hội nhập có hiệu quả.

2.2 Cơ sở thực tiễn

2.2.1 Khái quát về kinh tế - xã hội của khu vực miền Đông

Về mặt địa lý, Khu vực miền Đông Thái Lan nằm ở phía Đông của thủ đô Bangkok, bao gồm 8 tỉnh là: 1.Chachoengsao 2.Chanthaburi 3.Chonburi 4.Prachinburi 5.Rayong 6.Sa Kaeo 7.Trat 8.Nakhon Nayok.

2.2.2 Yếu tố lịch sử phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan giai đoạn trước năm 1998.

2.2.2.1 Giai đoạn trước năm 1991

Đây là yếu tố lịch sử của khu vực miền Đông tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông trong dự án SEC, chia thành 2 giai đoạn là: (1) Giai đoạn Chiến tranh Việt Nam và; (2) Giai đoạn Dự án phát triển khu vực ven biển miền Đông (Eastern Seaboard

Development Program: ESB). Trong giai đoạn đầu tiên tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng. Tiếp theo là giai đoạn Thái Lan bắt đầu thực hiện dự án ESB, đây là dự án phát triển cơ sở hạ tầng kết hợp với phát triển các ngành công nghiệp trong khu vực miền Đông.

2.2.2.2 Giai đoạn 1991 – 1998

Từ năm 1992, Thái Lan đã thực hiện dự án ESB giai đoạn thứ 2. Dự án này đã thành công vì thu hút đầu tư của Nhật Bản và đưa kinh tế Thái Lan bước vào giai đoạn “cất cánh” .

2.2.3. Quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan với các nước láng giềng giai đoạn trước năm 1998

2.2.3.1. Quan hệ kinh tế giữa khu vực miền Đông Thái Lan - Campuchia và Việt Nam trước năm 1991

Sau chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975, quan hệ kinh tế giữa Thái Lan và các láng giềng đã được khôi phục trong giai đoạn ngắn nhưng sau xảy ra xung đột tại Campuchia năm 1980 – 1985 khiến cho quan hệ kinh tế bị dừng lại. Sau vấn đề này được giải quyết và Thái Lan có chính sách “biên Đông Dương từ chiến trường thanh thị trường” quan hệ thương mại xuyên biên giới đã tăng và đạt lên 2.000 triệu baht năm 1991.

2.2.3.2. Quan hệ kinh tế giữa khu vực miền Đông Thái Lan - Campuchia và Việt Nam giai đoạn 1991 – 1998

Sau chiến tranh Lạnh kết thúc, chính sách ngoại giao của Thái Lan quan tâm đến các nước trong khu vực nhiều hơn và thúc đẩy nâng cao cơ sở hạ tầng để liên kết với các nước láng giềng. Tiếp theo, Thái Lan và Campuchia đã khai trương 2 cửa khẩu quốc tế là khẩu Aranyaprathet tỉnh Sa Kaeo năm 1996 và cửa khẩu Kholng Yai tỉnh Trat năm 1997.

Tiểu kết chương 2

Đây là yếu tố yếu tố lịch sử của khu vực miền Đông, đặc biệt là giai đoạn cuộc Chiến tranh Việt Nam và yếu tố địa dự án ESB đã biến khu vực này từ một vùng hoang vu trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa công nghiệp và năng lượng giúp Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao. Từ góc độ hợp tác tiểu vùng, miền Đông cũng tạo ra bước đột phá sau kết thúc chiến tranh Lạnh cho đến năm 1997.

CHƯƠNG 3 QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA KHU VỰC MIỀN ĐÔNG, THÁI LAN TRONG DỰ ÁN SEC THUỘC HỢP TÁC GMS GIAI ĐOẠN 1998 - 2019

3.1. Giai đoạn 1998 – 2010

3.1.1. Yếu tố bên ngoài tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

3.1.1.1. Vai trò của các nước lớn

Hai quốc gia có vai trò quan trọng tác động đến quá trình hội nhập của khu vực miền Đông là Nhật Bản và Trung Quốc. Nhật Bản là quốc gia có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Thái Lan nói chung và dự án ESB nói riêng. Bên cạnh đó, Nhật Bản đang quan tâm nhiều đến dự án EWEC của GMS vì tiềm năng giải quyết vấn đề vận chuyển xăng dầu thay đường thủy. Còn Trung Quốc là chủ thể mới trong lĩnh vực kinh tế hợp tác khu vực. Trung Quốc quan tâm đến dự án NSEC vì tiềm năng giải quyết vấn đề không có đường ra biển của miền Nam của nước này.

3.1.1.2. Nhu cầu hội nhập và hợp tác trong dự án SEC của Campuchia và Việt Nam

Sau chiến tranh Lạnh kết thúc, Campuchia và Việt Nam là hai nước tích cực tham gia tổ chức hội nhập khu vực vì có thể giúp 2 nước này tiếp cận nguồn ODA, thị trường quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài.

3.1.2 Yếu tố kinh tế chính trị trong nước tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

3.1.2.1 Chính sách hội nhập khu vực sông Mê Kông của chính phủ Thái Lan

Chính sách hội nhập của khu vực sông Mê Kông của chính phủ giai đoạn 1997-2006 đã ảnh hưởng tích cực tới quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông đặc biệt là trong giai đoạn Thái Lan dẫn đầu thành lập hợp tác ACMECS năm 2003. Sau đó quá trình hội nhập của khu vực miền Đông bị ảnh hưởng tiêu cực từ yếu tố quan hệ giữa Thái Lan và Campuchia và vấn đề chính trị nội bộ.

3.1.2.2 Những yếu tố kinh tế trong nước khác

Hai yếu tố tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của miền Đông là: (1) Chính sách thúc đẩy xu hướng tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu sau khủng hoảng kinh tế năm 1997; (2) Thực trạng thiếu lao động phổ thông trong nước từ năm 2005 trở đi.

3.1.4 Quá trình phát triển kinh tế khu vực miền Đông và liên kết cơ sở hạ tầng của khu vực miền Đông với dự án SEC

Cơ sở hạ tầng trong khu vực miền Đông và liên kết và Campuchia theo dự án SEC tương đối tốt từ giai đoạn trước. Thêm vào đó, dự án ESB giai đoạn 2 được thực hiện để nâng cao cơ sở hạ tầng và mở rộng khu vực kinh tế. Bên cạnh đó, Thái Lan đã hỗ trợ Campuchia trong việc phát triển cơ sở hạ tầng dọc theo dự án SEC thông qua hợp tác ACMECS.

3.1.5 Quan hệ thương mại và đầu tư xuyên biên giới dọc theo Dự án SEC giữa miền Đông, Thái Lan và Campuchia, miền Nam Việt Nam

3.1.5.1 Quan hệ thương mại qua biên giới giữa Thái Lan và các nước láng giềng theo dự án SEC

Quan hệ thương mại xuyên biên giới giữa Thái Lan-Camphuchia tăng liên tục và trở thành cửa ngõ chính. Còn quan hệ thương mại giữa Thái Lan - Việt Nam chủ yếu vẫn được vận chuyển qua đường thủy.

3.1.5.2 Quan hệ đầu tư và liên kết cơ sở sản xuất công nghiệp của Thái Lan và các nước láng giềng theo dự án SEC

Mặc dù giá trị đầu tư của Thái Lan vào Campuchia và Việt Nam tăng từ năm 1995 trở đi nhưng hàng hóa công nghiệp để liên kết sản xuất vẫn chủ yếu được vận chuyển qua đường thủy.

3.2 Giai đoạn 2011 – 2019

3.2.1 Yếu tố bên ngoài tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

3.2.1.1 Yếu tố từ các nước lớn

Hai nước lớn có vai trò quan trọng vẫn là Nhật Bản và Trung Quốc. Nhật Bản vẫn là nước có vai trò quan trọng đối với kinh tế Thái Lan nói chung và khu vực miền Đông nói riêng. Còn Trung Quốc, nước này tăng giá trị thương mại qua dự án NSEC và tăng giá trị đầu tư vào Thái Lan.

3.2.1.2 Yếu tố nhu cầu hội nhập và hợp tác trong dự án SEC của Campuchia và Việt Nam

Yếu tố nhu cầu hội nhập là do Việt Nam và Campuchia đang bước thời đại hội nhập quốc tế và trong giai đoạn nâng cao cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư vào các dự án khu công nghiệp dọc theo dự án SEC.

3.2.2 Các yếu tố kinh tế chính trị trong nước tác động đến quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

3.2.2.1 Yếu tố từ chính sách hội nhập khu vực sông Mê Kông của chính phủ Thái Lan

Thái Lan bắt đầu quay lại quan tâm và thúc đẩy chính sách hội nhập khu vực song Mê Kông từ giai đoạn thủ tướng Yingluck Shinawatra và được thực hiện và đẩy mạnh trong thủ tướng Prayuth Chan-ocha.

3.2.2.2 Những yếu tố kinh tế khác trong nước

Các yếu tố kinh tế trong nước bao gồm 4 yếu tố là: (1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để tạo tính chính danh của chính phủ sau cuộc đảo chính năm 2014; (2) Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp; (3) Phân phối công nghiệp ra các khu vực và tỉnh khác, đồng thời phát triển công nghiệp trong khu vực có tiềm năng; (4) Thiếu lao động phổ thông.

3.2.3 Quá trình phát triển kinh tế khu vực miền Đông và liên kết cơ sở hạ tầng của khu vực miền Đông với dự án SEC

3.2.3.1 Giai đoạn 2011 – 2014

Giai đoạn thủ tướng Yingluck Shinawatra là giai đoạn thành lập kế hoạch phát triển nhưng chưa thực hiện nhiều.

3.2.3.2 Giai đoạn 2014 – 2019

Chính phủ đã thực hiện 2 dự án lớn là chính sách đặc khu kinh tế biên giới (SEZ) trong đó có 2 khu đặc khu kinh tế biên giới miền Đông dọc theo dự án SEC và thứ hai là dự án hành lang kết tế phía Đông (EEC) với mục tiêu là nâng cao ngành công nghiệp và đưa khu vực miền Đông trở thành trung tâm hậu cần của nước này.

3.2.4 Quan hệ thương mại và đầu tư xuyên biên giới dọc theo Dự án SEC giữa miền Đông, Thái Lan và Campuchia, miền Nam Việt Nam

3.2.4.1 Quan hệ thương mại qua biên giới giữa Thái Lan và các nước láng giềng theo dự án SEC

Quan hệ thương mại giữa miền Đông Thái Lan và Campuchia dọc theo dự án SEC tăng liên tục trong đó là cửa khẩu Aranyaprathet đứng đầu và đáng chú ý là từ năm 2009 một số hàng hóa công nghiệp

được vận chuyển thay thế đường thủy. Còn quan hệ thương mại với Việt Nam theo tuyến đường R1 đạt hơn 1.000 triệu baht trong năm 2019.

3.2.4.2 Quan hệ đầu tư và liên kết cơ sở sản xuất công nghiệp của Thái Lan và các nước láng giềng theo dự án SEC

Đầu tư Thái Lan càng tăng giá trị trong giai đoạn này đồng thời quan hệ liên kết khu vực sản xuất dọc theo tuyến đường R1 giữa Thái Lan và Campuchia càng tăng do nhà đầu Nhật Bản di chuyển một số cơ sở sản xuất từ Thái Lan sang Campuchia còn quan hệ liên kết cơ sở sản xuất giữa Thái Lan và miền Nam Việt Nam vẫn chiếm số lượng rất nhỏ.

3.2.4.3 Quan hệ du lịch giữa khu vực miền Đông, Thái Lan với các nước láng giềng qua dự án SEC

Năm 2018, Thái Lan đẩy mạnh quan hệ du lịch dọc theo tuyến đường R10 của dự án SEC sau dự án đặc khu kinh tế Trat được triển khai.

Tiểu kết chương 3

Quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS được thành 2 giai đoạn chính, trong đó giai đoạn 1998 – 2010 với đặc trưng hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC được mở rộng. Giai đoạn 2011-2019, sự phát triển đi vào chiều sâu do chính phủ Thái Lan bắt đầu nâng cao chất lượng kinh tế trong khu vực đồng thời tiến hành liên kết khu vực dọc theo các dự án hàng lang kinh tế nói chung và dự án SEC nói riêng.

CHƯƠNG 4 MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA KHU VỰC MIỀN ĐÔNG THÁI LAN TRONG DỰ ÁN SEC THUỘC HỢP TÁC GMS GIAI ĐOẠN 1998 – 2019

4.1 Đánh giá kết quả quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS giai đoạn 1998 – 2019

4.1.1 Thành tựu

Thứ nhất, thành tựu về phát triển kinh tế của khu vực miền Đông, Thái Lan: Khu vực miền Đông đã trở thành khu vực quan trọng về kinh tế và đưa nước này bước vào giai đoạn “cất cánh kinh tế” từ giai đoạn 1998. Sau năm 2014, chính phủ Thái Lan đã thông báo lập kế hoạch EEC để phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao trong khu vực và giải quyết các vấn đề kinh tế trong nước. Bên cạnh đó, dự án này đặt mục tiêu là khu vực miền Đông trở thành trung tâm hậu cần của Thái Lan để liên kết khu vực qua các dự án hành lang kinh tế của GMS.

Thứ hai, thành tựu về tăng giá trị thương mại xuyên biên giới miền Đông, Thái Lan dọc theo dự án SEC: Sau khi thực hiện dự án SEC giai đoạn 1998 – 2010, quan hệ thương mại xuyên biên giới giữa Thái Lan và Campuchia được mở rộng và tăng đáng kể. Đặc biệt là từ năm 1998 đến 2005, quan hệ thương mại xuyên biên giới giữa hai nước chiếm khoảng 70% tổng giá trị thương mại và tăng hàng năm đặc biệt sau 2 bên đã ký kết MOU thúc đẩy CBTA năm 2007. Còn quan hệ thương mại xuyên biên giới dọc theo dự án SEC giữa Thái Lan và Việt Nam được triển khai trong giai đoạn 2011 – 2019, giá trị quan hệ thương mại đặc biệt là dọc theo tuyến đường R1 đã tăng dần từ năm 2011 và vượt qua giá trị thương mại hơn 1.000 triệu baht trong năm 2019.

Thứ ba, tăng cường liên kết khu vực sản xuất qua đường bộ xuyên biên giới miền Đông, Thái Lan dọc theo dự án SEC: liên kết khu vực sản xuất qua đường bộ xuyên biên giới miền Đông, Thái Lan và Campuchia tăng mạnh trong giai đoạn 2010 – 2019, đặc biệt là dọc theo tuyến đường R1 của dự án SEC do nhà đầu tư Nhật Bản di chuyển một số cơ sở sản xuất từ khu vực miền Trung Thái Lan vào Campuchia.

Thứ tư, thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế du lịch: dọc theo dự án SEC đặc biệt là dự án đường R10, du lịch có tiềm năng phát triển rất lớn. Chính phủ Thái Lan đang thúc đẩy liên kết du lịch đặc biệt sau dự án đặc khu kinh tế biên giới tỉnh Trat được thực hiện.

4.1.2 Một số khó khăn

Đối với việc phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng khu vực miền Đông, Thái Lan trong hội nhập kinh tế dự án SEC:

Thứ nhất, khó khăn trong việc dịch chuyển các hoạt động kinh tế và sản xuất công nghiệp ra các tỉnh và thành phố khác trong khu vực miền Đông: mặc dù chính phủ có chính sách mở rộng các hoạt động kinh tế đến các khu vực khác trong miền Đông nhưng cho đến năm 2019, các hoạt động kinh tế vẫn tập trung trong 3 tỉnh dự án ESB giai đoạn 1.

Thứ hai, không thu hút được lao động đến làm việc tại đặc khu kinh tế và giải quyết vấn đề thiếu lao động trong nước: lý do là thu nhập không cao, mức lương tối thiểu trong ngành công nghiệp vẫn thấp đặc biệt là so với mức lương ngành nông nghiệp trong khu vực biên giới.

Đối với quá trình hội nhập của các nước láng giềng dọc theo dự án SEC:

Thứ nhất, vấn đề cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng và liên kết: đối với Campuchia, ngân sách phát triển cơ sở hạ tầng vẫn là rào cản quan trọng. Hệ thống đường bộ dọc theo dự án SEC của Campuchia chỉ có chất lượng trung bình và khá ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hóa.

Thứ hai, vấn đề tham nhũng trong lĩnh vực vận chuyển dọc theo dự án SEC tại Campuchia: vấn đề tham nhũng trong việc vận chuyển hàng hóa dọc theo dự án SEC tại Campuchia khiến nhà kinh doanh Thái Lan phải trả tiền tham nhũng trong quá trình vận chuyển hàng hóa chiếm khoảng từ 5

đến 6 % đối với thu nhập và càng tăng phụ thuộc theo số lượng hàng hóa vận chuyển khiến chi phí vận chuyển tăng cao.

4.2 Quá trình hội nhập kinh tế khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC từ góc nhìn lý thuyết

Khu vực miền Đông được phát triển theo lý thuyết chiến lược phát triển tăng trưởng kinh tế không cân đối để tạo ra tình hình “hiệu ứng nhỏ giọt” từ dự án ESB cho đến dự án EEC. Còn quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông với dự án SEC này tuân thủ theo mô hình hiệu ứng nhỏ giọt theo quan niệm của lý thuyết tân chức năng.

4.3 Triển vọng hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

Thứ nhất, xu hướng gia tăng tương tác giữa các khu vực và mức độ phụ thuộc giữa các nền kinh tế: Trong thời gian tới, kinh tế khu vực miền Đông sẽ càng có nhiều tương tác hơn với khu vực của các nước láng giềng theo dự án SEC, đặc biệt là việc liên kết khu vực sản xuất xuyên quốc gia giữa ba nước do yếu tố trong nước Thái Lan.

Thứ hai, vai trò của hai quốc gia lớn: Nhật Bản và Trung Quốc là hai nước lớn có xu hướng tăng vai trò trong thời gian tới. Đối mặt với những thách thức cạnh tranh nước lớn, các nước thuộc dự án SEC đã có thái độ và đối sách khác nhau. Đối với Thái Lan và Việt Nam, 2 nước này sẽ thực hiện chính sách cân bằng quyền lực nhưng đối với Campuchia, nền kinh tế và chính trị của nước này phụ thuộc vào Trung Quốc tương đối nhiều còn quan hệ Nhật Bản chưa tốt.

Thứ tư, vấn đề ổn định chính trị ở Myanmar đối với quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông trong dự án SEC: Do vấn đề tình hình chính trị ở Myanmar nên Thái Lan quan tâm đến việc kết nối giữa biển Andaman và Vịnh Thái Lan qua đường bộ. Đó là dự án hành

lang kinh tế phía Nam (SEC) của Thái Lan. Đặc biệt, dự án này sẽ liên kết với các dự án hành lang kinh tế của GMS và dự án EEC.

Thứ năm, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với quá trình hội nhập khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC: sau đại dịch Covid-19 Thái Lan sẽ đẩy mạnh các dự án kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đặc biệt dự án EEC. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, một số ngành của dự án EEC sẽ được ưu tiên thực hiện trước và chiều ngược lại, một số ngành công nghiệp sẽ bị chậm lại.

Thứ sáu, các vấn đề kinh tế - xã hội phát sinh sau khi thực hiện liên kết dự án SEC: dự án SEC là dự án xuyên quốc gia vì thế có thể phát sinh vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống như tranh chấp lãnh thổ giữa các nước láng giềng, lao động nhập cư trái phép, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh .v.v.

4.4 Một số gợi ý đề xuất chính sách đối với việc thúc đẩy hội nhập khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

4.4.1.1 Đề xuất chính sách ngoại giao đối với các nước lớn:

Thứ nhất, chính phủ Thái Lan nên thực hiện chính sách ngoại giao đa phương hóa: việc phát triển và hội nhập kinh tế khu vực của miền Đông Thái Lan trong thời gian qua phụ thuộc khá nhiều vào một hai nước lớn tùy từng giai đoạn. Vì thế, chính phủ cần thúc đẩy chính sách ngoại giao với xu hướng đa phương hóa để cân bằng quyền lực.

Thứ hai, Thái Lan nên tăng cường hợp tác ACMECS để thúc đẩy hội nhập khu vực miền Đông trong dự án SEC: vì lý do ảnh hưởng của các nước lớn có xu hướng gia tăng và để đối phó đồng thời tận dụng cơ hội với xu hướng gia tăng ảnh. Chính phủ Thái Lan nên đẩy mạnh hợp tác giữa các nước trong khu vực thông qua hợp tác ACMECS .

4.4.1.2 Đề xuất chính sách ngoại giao đối với các nước láng giềng

Thứ nhất, chính phủ Thái Lan nên tăng cường hợp tác với chính phủ Campuchia và Việt Nam trên cơ sở "đôi bên cùng có lợi":

Thái Lan nên tăng cường hợp tác chặt chẽ hơn trong nhiều lĩnh vực để tránh vấn đề phát sinh và xử lý kịp thời vấn đề nảy sinh sau tương tác kinh tế nhiều hơn trong tương lai dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Thứ hai, chính phủ Thái Lan nên hợp tác chặt chẽ hơn trong nhiều cấp độ với chính phủ Campuchia và Việt Nam: hợp tác theo dự án SEC ở cấp độ nhà nước tương đối tốt nhưng ở cấp độ địa phương và các bộ phận thực hiện, vẫn chưa có nhiều hoạt động hợp tác. Chính vì thế, Thái Lan nên hợp tác chặt chẽ hơn trong nhiều cấp độ với chính phủ Campuchia và Việt Nam.

Thứ ba, chính phủ Thái Lan nên khuyến khích các doanh nghiệp Thái Lan đầu tư vào các nước thuộc dự án SEC nhiều hơn: chính phủ Thái Lan nên khuyến khích các doanh nghiệp của mình đầu tư vào các quốc gia dọc dự án SEC đặc biệt là trong ngành công nghiệp mà các nước có tiềm năng. Điều này giúp giảm bớt ảnh hưởng từ các nước lớn, đồng thời thúc đẩy tương tác xuyên biên giới dọc theo dự án SEC.

Thứ tư, chính phủ Thái Lan nên tiếp tục đẩy mạnh hợp tác du lịch dọc theo dự án SEC: Dự án SEC là một dự án có tiềm năng về ngành du lịch đặc biệt là tuyến đường R10. Vì thế, chính phủ Thái Lan cần đẩy mạnh du lịch xuyên quốc gia và khuyến khích các chủ thể khác trong khu vực tham gia như các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ.

Thứ năm, chính phủ Thái Lan nên hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của ba nước: Chính phủ cần hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của ba nước thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm v.v.

Thứ sáu, chính phủ Thái Lan nên thúc đẩy tạo ra sự hiểu biết giữa người dân của ba nước: chính phủ cần thúc đẩy hợp tác giữa các chủ thể như tư nhân, doanh nhân, và nhân dân giữa ba quốc gia để tạo sự hiểu biết và cùng hợp tác giúp quá trình hội nhập thêm hiệu quả.

Thứ bảy, chính phủ Thái Lan nên thúc đẩy hợp tác phát triển nguồn nhân lực: chính phủ Thái Lan nên đóng góp thúc đẩy hợp tác đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành mà Campuchia và Việt Nam đang cần và các ngành mà Thái Lan có tiềm năng.

Thứ tám, chính quyền địa phương phối hợp với các nhà kinh doanh trong đặc khu kinh tế để giải quyết vấn đề đặc khu kinh tế không thu hút lao động Campuchia: Để giải quyết vấn đề không thu hút lao động Campuchia làm việc tại đặc khu kinh tế biên giới, chính quyền địa phương biên giới cần phối hợp với các nhà đầu tư đưa ra các biện pháp thúc đẩy, tạo điều kiện cho lao động Campuchia đến làm việc.

Thứ chín, chính phủ Thái Lan nên thực hiện và hỗ trợ các nước triển khai công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để ngăn ngừa tham nhũng trong quá trình di chuyển hàng hóa dọc theo dự án SEC: vì vấn đề tham nhũng trong quá trình di chuyển hàng hóa đề nghị Thái Lan cung cấp một số loại hỗ trợ hoặc hỗ trợ kỹ thuật để giúp Campuchia phát triển năng lực kỹ thuật tương đương về thủ tục hải quan.

4.4.2 Đề xuất chính sách kinh tế - xã hội thúc đẩy hội nhập khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS

Thứ nhất, chính phủ nên thúc đẩy sự tham gia, nâng cao vai trò và phân quyền cho chính quyền địa phương: đề nghị chính phủ thúc đẩy sự tham gia, phối hợp, nâng cao vai trò và phân quyền cho chính quyền địa phương để cùng giải quyết vấn đề và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với khu vực thực hiện chính sách.

Thứ hai, đề nghị chính phủ khuyến khích người dân địa phương tham gia hoạt động kinh tế trong dự án nhiều hơn: việc thúc đẩy sự tham gia của người dân không chỉ mang lợi ích về mặt đảm bảo hoàn thiện mục tiêu như phân phối lợi ích kinh tế, mà còn mang lợi thế trong việc cung cấp thông tin dữ liệu tình huống của địa phương cho ủy ban đặc khu kinh tế để điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

Thứ ba, đề nghị chính phủ áp dụng chính sách doanh nghiệp trách nhiệm xã hội (CSR) với các doanh nghiệp trong các dự án: để đảm bảo cho việc phân phối lợi ích kinh tế tới người dân, chính phủ cần áp dụng chính sách doanh nghiệp trách nhiệm xã hội trong khu vực.

Thứ tư, đề nghị chính phủ khuyến khích, thúc đẩy các nhà đầu tư để họ đầu tư vào các đặc khu kinh tế biên giới miền Đông nhiều hơn: dự án đặc khu kinh tế miền Đông đang gặp vấn đề về vốn đầu tư vào dự án không đạt chỉ tiêu. Vì thế, đề nghị chính phủ tăng cường xúc tiến đầu tư đồng thời ưu tiên cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa.

Thứ năm, đề nghị chính phủ thỏa thuận với tư nhân thực hiện chính sách để giải quyết vấn đề sớm nhất có thể: đến hết năm 2020, việc thực hiện chính sách đặc khu kinh tế tỉnh Trat vẫn bị chậm. Để tiếp tục thực hiện chính sách này và giảm thiểu thiệt hại, đề nghị chính phủ thỏa thuận với tư nhân sớm nhất có thể.

Tiểu kết chương 4

Quá trình hội nhập kinh tế của quá miền Đông, Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS chỉ có thể thành công nếu Thái Lan thực hiện chính sách ngoại giao hướng đến hợp tác khu vực và ưu tiên thúc đẩy hội nhập khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC thuộc hợp tác GMS. Còn đối với chính sách kinh tế - xã hội chính phủ nên thực hiện dự án

dựa trên cơ sở phân phối lợi ích kinh tế, nâng cao hợp tác liên kết khu vực, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan.

KẾT LUẬN

Dự án SEC là dự án liên kết khu vực có tiềm năng đặc biệt vì tuyến đường này chạy qua các khu vực kinh tế quan trọng và vị trí ven biển thuận lợi về mặt liên kết hậu cần. Sự hội nhập của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án này không chỉ mang lợi ích kinh tế cho Thái Lan, mà còn mang lợi ích kinh tế cho các nước thuộc dự án này như Campuchia và Việt Nam trong cả thúc đẩy mậu dịch thương mại và đầu tư lẫn nhau. Vì thế, việc thúc đẩy hội nhập các khu vực trong dự án này có tầm quan trọng đặc biệt. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng:

1. Quá trình phát triển kinh tế và kết nối cơ sở hạ tầng của khu vực miền Đông Thái Lan có thể chia thành 4 giai đoạn: (1) khu vực miền Đông trong giai đoạn trước dự án phát triển lần thứ nhất là thời điểm khu vực miền Đông vẫn là khu vực rừng và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng nền kinh tế trong khu vực vẫn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng hóa sơ cấp; (2) khu vực miền Đông bước vào giai đoạn xây dựng điều kiện tiên quyết để cất cánh trong kế hoạch phát triển kinh tế lần thứ nhất năm 1961 cho đến kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc gia lần thứ 4 năm 1981. Trong giai đoạn này, Thái Lan đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để sản xuất và kết nối cơ sở hạ tầng trong khu vực. (3) Khu vực miền Đông bước vào giai đoạn cất cánh từ năm 1987 trở đi do đầu tư của Nhật Bản; (4) Khu vực miền Đông bước vào giai đoạn phát triển thứ tư, khi chính phủ Thái Lan vẫn tiếp tục thúc đẩy phát triển công nghiệp theo Chiến lược tăng trưởng và lý thuyết hiện đại hóa từ dự án ESB đến EEC. Từ dự án ESB, khu vực này đã

tập trung nâng cao chất lượng các ngành công nghiệp khu vực và bước vào công nghiệp chuyên môn sâu hơn trong dự án EEC và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu kinh tế công nghiệp quan trọng của Thái Lan.

2. Việc phát triển kinh tế của khu vực thường gắn kết với việc liên kết và hội nhập kinh tế với khu vực khác. Khu vực miền Đông Thái Lan bắt đầu hội nhập kinh tế với khu vực miền Trung và trung tâm kinh tế của Thái Lan là Bangkok từ năm 1964 và càng hội nhập kinh tế sâu hơn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Sau khi tổ chức hợp tác GMS hình thành, quan hệ thương mại xuyên biên giới giữa khu vực miền Đông và Campuchia tăng đáng kể. Cho đến năm 1998, hợp tác GMS đã thông qua dự án SEC và hợp tác khu vực này càng được mở rộng hơn trong giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. Quá trình hội nhập kinh tế của khu vực này được tăng cường mạnh mẽ đặc biệt trong giai đoạn 1998 – 2005 do sự điều chỉnh chính sách ngoại giao và kinh tế của Thái Lan. Quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông trong dự án SEC được nâng cao hơn trong giai đoạn 2011 - 2019, khu vực này đã phát triển các ngành hậu cần để liên kết với các nước láng giềng cũng như nâng cao chất lượng cho các ngành công nghiệp trong khu vực. Từ giai đoạn mở rộng trở đi, quan hệ xuyên biên giới phát triển đáng kể không chỉ là quan hệ thương mại xuyên biên giới giữa Thái Lan và Campuchia mà còn quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam dọc theo dự án SEC cũng xuất hiện từ năm 2010 trở đi. Về quan hệ đầu tư và liên kết sản xuất công nghiệp, mặc dù đầu tư của Thái Lan vào Campuchia và Việt Nam tăng từ những năm 1995 nhưng trong giai đoạn đầu, quan hệ liên kết công nghiệp sản xuất qua biên giới vẫn không tồn tại. Quan hệ liên kết khu vực sản xuất giữa Thái Lan và Campuchia tăng mạnh trong giai đoạn 2010 – 2019, nhưng quan hệ liên kết khu vực sản xuất giữa Thái Lan và Việt Nam vẫn chiếm

quy mô rất nhỏ, cho dù dự án SEC này đã đóng góp hỗ trợ việc di chuyển liên kết cơ sở sản xuất qua đường thủy.

3. Các yếu tố bên trong và bên ngoài đã tác động mạnh mẽ tới quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông Thái Lan trong dự án SEC. Các yếu tố bên ngoài bao gồm vai trò của hai nước lớn là Nhật Bản và Trung Quốc. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận nhu cầu hội nhập tổ chức khu vực và phát triển liên kết khu vực kinh tế của Campuchia và Việt Nam.

Các yếu tố bên trong bao gồm: thứ nhất yếu tố chính sách hội nhập khu vực GMS của chính phủ Thái Lan, chính phủ Thái Lan bắt đầu thay đổi chính sách từ an ninh sang kinh tế bắt đầu từ cuối Chiến tranh lạnh năm 1989, chính sách hội nhập kinh tế khu vực với các nước láng giềng. Đồng thời, chính phủ Thái Lan đã tăng cường vai trò của mình trong khu vực trong giai đoạn 1998 – 2005. Giai đoạn năm 2011- 2019, chính phủ Thái Lan tìm kiếm tính chính danh thông qua phát triển kinh tế, và điều đó cũng tác động tích cực đến quá trình hội nhập sâu sắc hơn. Thứ hai, kinh tế là yếu tố quan trọng tác động đến quá trình hội nhập khu vực của miền Đông. Trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh kết thúc, chính sách hội nhập kinh tế gắn kết với chính sách tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu. Sau khủng hoảng tài chính năm 1997 Thái Lan thúc đẩy chính sách xuất khẩu nhiều hơn. Sự kiện này đã làm cho tình hình thương mại xuyên biên giới giữa Thái Lan và các nước SEC gia tăng đáng kể. Trong giai đoạn 2011- 2019, quá trình hội nhập kinh tế của khu vực miền Đông trong dự án SEC diễn ra sâu rộng hơn vì có hỗ trợ từ trong nước như GDP của Thái Lan tăng mạnh, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng tăng, việc xây dựng các đặc khu kinh tế biên giới.

4. Dựa trên kết quả và phân tích nghiên cứu, tình hình hội nhập của khu vực miền Đông trong dự án SEC có xu hướng càng đi sâu và mở rộng hơn trong tương lai. Xu hướng tăng trưởng này là do các yếu tố bên trong Thái Lan và vị trí thuận lợi của dự án này có thể liên kết khu vực không chỉ bằng đường bộ mà còn bằng đường thủy. Quan hệ thương mại xuyên biên giới và đầu tư trực tiếp của Thái Lan vào Campuchia và Việt Nam sẽ càng tăng và đặc biệt là liên kết cơ sở sản xuất theo dự án SEC sẽ phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

5. Để khu vực miền Đông hội nhập với dự án SEC có hiệu quả hơn, nghiên cứu này đã đề nghị chính phủ Thái Lan thực hiện một số giải pháp cả về đối nội và đối ngoại: (1) Về chính sách ngoại giao; (1.1) Đối với các nước cường quốc như đề nghị chính phủ thực hiện chính sách ngoại giao có xu hướng đa phương hóa hơn; Nâng cao hợp tác ACMECS (1.2) Đối với các nước thuộc hành lang kinh tế phía Nam, đề nghị chính phủ Thái Lan hợp tác chặt chẽ với chính phủ của các nước Campuchia và Việt Nam trong nhiều lĩnh vực trên cơ sở "đôi bên cùng có lợi"; Thứ hai, đề nghị chính phủ Thái Lan thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn trong nhiều cấp độ với chính phủ Campuchia và Việt Nam; Thứ ba, đề nghị chính phủ Thái Lan khuyến khích các nhà đầu tư Thái Lan đầu tư vào các nước thuộc dự án SEC nhiều hơn; Thứ tư, đề nghị chính phủ Thái Lan tiếp tục đẩy mạnh hợp tác du lịch dọc theo dự án SEC; Thứ năm, đề nghị chính phủ Thái Lan hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của ba nước; Thứ sáu, đề nghị chính phủ Thái Lan thúc đẩy tạo ra sự hiểu biết giữa người dân của ba nước: dựa trên cơ sở hội nhập kinh tế theo chủ nghĩa khu vực; Thứ bảy, đề nghị chính phủ Thái Lan thúc đẩy hợp tác về mặt phát triển nguồn nhân lực; Thứ tám, đề nghị chính quyền địa phương phối hợp tác với các nhà kinh doanh trong đặc khu kinh tế để giải quyết vấn đề đặc khu kinh tế không thu hút lao động Campuchia; Thứ chín, đề

ngộ chính phủ Thái thực hiện và hỗ trợ các nước triển khai công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để ngăn ngừa tham nhũng trong quá trình di chuyển hàng hóa dọc theo dự án SEC.

(2) Đề xuất phương châm chỉ đạo chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế hội nhập khu vực miền Đông, Thái Lan: đề nghị chính phủ thúc đẩy sự tham gia, nâng cao vai trò, phân quyền cho chính quyền địa phương; Đề nghị chính phủ cho người dân địa phương tham gia hoạt động kinh tế trong dự án nhiều hơn; Đề nghị chính phủ áp dụng chính sách doanh nghiệp trách nhiệm xã hội trong các dự án của chính phủ ; Đề nghị chính phủ thúc đẩy hợp tác nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư nhiều hơn vào các dự án; Đề nghị chính phủ thỏa thuận với tư nhân thực hiện chính sách để giải quyết vấn đề sớm nhất có thể.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Jirayoot Seemung (2019), “Eastern Thailand and Its Role of Innovative Industrial Centre and Greater Mekong Sub Region Hub: The Reviews of Thai State’s Proposal on Development”, *Graduate Development Journal, Ubon Ratchathani Rajabhat University*. Vol.6(2), pp. 57 – 63.
2. Jirayoot Seemung (2021), “The Roles of America and Thai State in National Development and The Socioeconomic Changes in the Eastern Thailand During the Vietnam War (1955 – 1975)”, *Burapha Journal of Political Economy*. Vol. 9(1), pp. 54 - 79.
3. Jirayoot Seemung (2021), “Implementation and Barriers of Border Economic Zone Policy in Thailand: A Case Study of Eastern Border Economic Zone in Trat Province”, *International Conference Proceedings the Security and Development Issues in the New Situations*, Hanoi, 12/5/2021, VNU - University of Social Sciences and Humanities, pp.351 – 337